

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4895**/UBND-TP

Quận 12, ngày 26 tháng 7 năm 2021

V/v hướng dẫn xử phạt vi phạm
hành chính trong công tác phòng,
chống dịch bệnh Covid-19

Kính gửi:

- Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Quận 12;
- Trưởng Công an quận;
- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, trung tâm quận;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường.

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19; Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường một số biện pháp thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố; Công văn số 2468/UBND-VX ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường mạnh mẽ các biện pháp thực hiện giãn cách xã hội toàn Thành phố theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 4871/KH-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận tăng cường một số biện pháp thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn Quận 12;

Để thực hiện nghiêm quy định của pháp luật nhằm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh cho cộng đồng, Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 như sau:

I. NHÓM CÁC HÀNH VI CÓ THỂ XẢY RA TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

1. Hành vi không thực hiện đeo khẩu trang nơi công cộng; ra đường thuộc diện không cần thiết hoặc giao tiếp trong phạm vi dưới 2 mét

- Mức phạt: phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- Quy định: tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Trưởng Công an quận, Trưởng phòng thuộc Công an Thành phố.

2. Hành vi vứt khẩu trang, các chất, vật dụng đã sử dụng không đúng nơi quy định có khả năng làm lây lan dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.
- Quy định: tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Thanh tra viên Y tế, Giáo dục, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Khoa học và công nghệ, Tài nguyên và môi trường.

3. Hành vi từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh Covid-19

- Mức phạt: phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Ngoài ra, còn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế”.
- Quy định: tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an Thành phố.

*** Xử lý hình sự:** trường hợp làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

4. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng để phòng, chống dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).
- Quy định: tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an Thành phố.

*** Xử lý hình sự:** trường hợp chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ (như: quán bar, karaoke, dịch vụ mát xa, cơ sở thẩm mỹ, phòng tập gym, yoga, game, rạp chiếu phim...) thực hiện hoạt động kinh doanh khi đã có quyết định tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh để phòng chống dịch Covid-19, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh sẽ bị xử lý theo Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015.

5. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Quy định: tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an Thành phố.

6. Hành vi không tổ chức việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho người lao động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

- Mức phạt: phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Quy định: tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Chánh Thanh tra Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục, Giao thông vận tải.

7. Hành vi đưa tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh Covid-19

a) Hành vi đưa tin không chính xác về tình hình dịch bệnh Covid-19 sau khi công bố dịch hoặc công bố hết dịch theo nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp

- Mức phạt: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức). Ngoài ra, còn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn đã đưa tin trước đó liên tục trong 03 ngày theo quy định của pháp luật”.

- Quy định: tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Chánh Thanh tra Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục, Giao thông vận tải.

b) Hành vi cung cấp nội dung thông tin sai sự thật, vu khống, xuyên tạc, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19

- Mức phạt: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật”.

- Quy định: tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

- Thẩm quyền xử phạt: Giám đốc Công an tỉnh; Chánh Thanh tra, Trưởng Đoàn Thanh tra chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông.

* **Xử lý hình sự:** trường hợp đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, thông tin xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid-19 có thể bị xử lý theo Điều 288 Bộ luật Hình sự năm 2015.

8. Hành vi không thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Quy định: tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Chánh Thanh tra Y tế; Trưởng Công an quận; Trưởng phòng thuộc Công an Thành phố.

9. Hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời hiện trạng của bản thân hoặc của người khác mắc dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Quy định: tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an Thành phố.

* **Xử lý hình sự:** trường hợp làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

10. Hành vi không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Quy định: tại điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

11. Hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật hoặc niêm yết giá không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng

- Mức phạt: phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Mức phạt trên áp dụng đối với cá nhân (đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).

- Quy định: tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP).

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Chánh Thanh tra Sở Tài chính.

12. Hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện

- Mức phạt: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức) và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước”.

- Quy định: tại khoản 3 và khoản 7 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Chánh Thanh tra Sở Tài chính.

13. Hành vi giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người nước ngoài vào Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép

- Mức phạt: phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức). Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể còn bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Quy định: tại điểm a khoản 5 và khoản 9 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh (phạt tiền và quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất - nếu có).

* **Xử lý hình sự:** hành vi liên quan đến quy định về xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép có thể bị xử lý theo Điều 347 và 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

14. Hành vi cản trở, chống lại người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19

a) Hành vi cản trở; xúi giục, lôi kéo; kích động người khác không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoặc có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

- Mức phạt: phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Quy định: tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Trưởng Công an quận; Trưởng phòng thuộc Công an Thành phố; Chánh Thanh tra các Sở có liên quan; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường đang thi hành công vụ.

b) Hành vi dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ hoặc gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Mức phạt: phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Quy định: tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Trưởng Công an quận, Trưởng phòng thuộc Công an Thành phố; Chánh Thanh tra các Sở có liên quan; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường đang thi hành công vụ.

* **Xử lý hình sự:** hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 có thể bị xử lý theo Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP), bao gồm:

- Người có thẩm quyền xử phạt;

- Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao.

* **Lưu ý:** các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

b) Việc xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý vi phạm hành chính):

- Được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ được thực hiện theo mẫu biểu MQĐ01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quy định thì sử dụng mẫu biểu riêng).

2. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (nếu có): thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính

- Trong quá trình xem xét vụ việc, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm đánh giá đúng mức độ, tính chất của vụ việc vi phạm; nếu trường hợp vi phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng thì phải chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền hoặc ngược lại.

- Trình tự, thủ tục, thời hạn xem xét, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm giữa các cơ quan có thẩm quyền xử phạt và cơ quan tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

* **Lưu ý:** chấp hành đúng các quy định về thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng vi phạm, tránh bỏ lọt tội phạm. Thời hạn ban hành quyết định xử phạt trong trường hợp này là 30 ngày hoặc tối đa 45 ngày.

4. Lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính và hướng dẫn của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đề nghị Thành viên Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 quận, Thủ trưởng các phòng, ban quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân quận (thông qua phòng Tư pháp) để hướng dẫn và giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- UBND/Q (CT và các PCT);
- Văn phòng UBND/Q;
- Lưu: VT(01b).Thị (33).



